

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/10/2025

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tố Linh;

2. Ông Hoàng Tương .

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Việt Quốc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: bà Lương Thị Mai Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng – Cơ sở A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lương Ánh H, sinh ngày 08/9/1959

Địa chỉ: A V, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: ông Trần Văn C, sinh ngày 04/7/1949

Địa chỉ: Kobeshi N . 10 . 1-15. Japan.

Số hộ chiếu: B 175304925, nơi cấp: Nhật Bản, ngày cấp 21/06/2012

Các đương sự có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Lương Ánh H trình bày: bà và ông Trần Văn C đến với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Hai người có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2006 tại UBND tỉnh B. Thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2014, mâu thuẫn bắt đầu nảy sinh. Nguyên nhân là giữa bà và ông C không tìm được tiếng nói chung với nhau nữa, hai bên thường xuyên cãi vã, lời qua tiếng lại. Đến giữa năm 2015, ông C quay trở lại Nhật Bản và sinh sống cho đến nay. Bà xác định hiện tại giữa bà và ông C không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Trong thời gian chung sống, giữa bà với ông C không có con chung. Tài sản và nợ chung bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 29/5/2025 ông Trần Văn C trình bày: ông và bà Lương Ánh H tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/12/2006, vào sổ đăng ký kết hôn số 04, quyển số 01, ngày 03 tháng 01 năm 2007.

Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2014 thì ông và bà H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn tiếng nói chung, nên thường xuyên cãi vã, lời qua tiếng lại. Đến giữa năm 2015 thì ông quay về Nhật Bản sinh sống cho đến nay và không quay trở lại Việt Nam. Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Lương Ánh H không còn nữa, mục đích hôn nhân giữa hai chúng tôi không đạt được. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý.

Giữa ông và bà H hai người không có con chung.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và ông cũng ủy quyền cho bà H đại diện cho ông nhận các văn bản tố tụng, các giấy tờ, tài liệu mà Tòa án tổng đạt cho ông.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn có lời khai xin xét xử vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm:
 - + Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.
 - + Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lương Ánh H. Về con chung: không có. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn bà Lương Ánh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trần Văn C nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp “Ly hôn”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn bà Lương Ánh H đang cư trú tại Việt Nam, có đơn khởi kiện bị đơn ông Trần Văn C hiện đang cư trú tại Nhật Bản nên căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận cũ (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng).

[3] Nguyên đơn bà Lương Ánh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn C có văn bản đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông C.

[4] Về quan hệ hôn nhân: bà Lương Ánh H và ông Trần Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn do UBND tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/12/2006. Vào sổ đăng ký kết hôn số 04, quyển số 01, ngày 03 tháng 01 năm 2007. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của bà Lương Ánh H và ông Trần Văn C thì trong thời gian chung sống cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên thường xuyên cãi vã, lời qua tiếng lại. Cả hai khoảng cách xa về địa lý nên khó hàn gắn, đến giữa năm 2015 ông C quay trở lại Nhật Bản và sinh sống cho đến nay không quay về Việt Nam. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn và phía ông C có văn bản gửi cho Tòa án đồng ý yêu cầu của bà H. Đây là yêu cầu ly hôn chính đáng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: bà Lương Ánh H và ông Trần Văn C không có con chung.

Về tài sản và nợ chung: bà Lương Ánh K và ông Trần Văn C khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: nguyên đơn bà Lương Ánh H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 1 Điều 228 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Ánh H
- Về quan hệ hôn nhân: bà Lương Ánh H được ly hôn với ông Trần Văn C;
 - Về con chung: không có;

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về án phí*: bà Lương Ánh H được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*: bà Lương Ánh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Ông Trần Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thanh Thái